

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12-3-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Bùi Minh N1, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Bùi Minh N1 tự nguyện chung sống với có đăng ký kết hôn ngày 06/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Bùi Minh N1. Về con chung: có 02 con chung tên con chung tên Bùi Gia K sinh ngày 19/8/2018 và Bùi Nhật K1 sinh ngày 12/10/2021 đang sống cùng bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu

cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 15/11/2024, bà N1 rút yêu cầu về phần cấp dưỡng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Bùi Minh N1 không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị N và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Bùi Minh N1 được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Đương sự được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Minh N1 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 06/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa bà N1 và ông N1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà N1 yêu cầu được ly hôn với ông N1 do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Đối với ông N1, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu của bà N1. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà N1 và ông N1 đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N1 về việc xin ly hôn với ông N1.

[3] Về con chung: Bà N1 và ông N1 có 02 con chung tên Bùi Gia K sinh ngày 19/8/2018 và Bùi Nhật K1 sinh ngày 12/10/2021 hiện đang sống cùng bà N1. Trên cơ sở xem xét điều kiện để phát triển về mọi mặt của con chung, đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho bà N1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N1 xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông N1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ và văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà N1. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà N1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị N xin ly hôn với ông Bùi Minh N1.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Gia K sinh ngày 19/8/2018 và cháu Bùi Nhật K1 sinh ngày 12/10/2021 cho bà N1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Huỳnh Thị N về việc yêu cầu ông Bùi Minh N1 cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi các con đủ 18 tuổi. Đương sự được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0002576 ngày 05 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Tiến;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Ý

